

Số: 1801-2020/QHCĐ-HATS

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2020

BẢN GIẢI TRÌNH SỐ LIỆU BCTC HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: **Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An**

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 15/08/2018.

Chúng tôi xin giải trình số liệu báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm nay lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm **16,17%** so với cùng kỳ năm ngoái là do các nguyên nhân sau:

- Tốc độ tăng chi phí hoạt động khai thác tàu cao hơn tốc độ tăng doanh thu dẫn tới kết quả hoạt động khai thác tàu sụt giảm.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Phụ trách kế toán

A blue ink signature of Trần Thị Thanh Hảo.

Trần Thị Thanh Hảo

Hà Nội, tháng 01 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ IV

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		665,353,538,080	587,779,335,179
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	243,326,890,100	272,125,233,675
1. Tiền	111		118,294,170,323	88,635,204,571
2. Các khoản tương đương tiền	112		125,032,719,777	183,490,029,104
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		51,981,363,014	13,500,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	51,981,363,014	13,500,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		267,942,562,760	217,513,466,269
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	117,897,225,787	122,272,253,242
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	27,299,869,009	6,853,244,550
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	123,810,364,320	89,093,891,301
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1,064,896,356)	(705,922,824)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		53,198,489,706	34,979,953,834
1. Hàng tồn kho	141	V.7	53,198,489,706	34,979,953,834
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48,904,232,500	49,660,681,401
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	4,223,426,408	3,407,011,431
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44,680,806,092	46,253,669,970
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,162,642,173,593	1,068,200,173,118
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10,000,000	1,713,470,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	10,000,000	1,713,470,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		854,670,089,064	812,401,135,234
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	850,300,321,404	806,210,134,443
<i>Nguyên giá</i>	222		1,419,105,679,781	1,257,155,997,981
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(568,805,358,377)	(450,945,863,538)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4,369,767,660	6,191,000,791
<i>Nguyên giá</i>	228		11,754,927,885	11,754,927,885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7,385,160,225)	(5,563,927,094)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11,702,435,197	3,816,588,904
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	11,702,435,197	3,816,588,904
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		44,326,048,942	42,123,582,570
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	33,875,182,442	31,672,716,070
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	10,450,866,500	10,450,866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		251,933,600,390	208,145,396,410
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	251,933,600,390	208,145,396,410
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,827,995,711,673	1,655,979,508,297

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		573,461,504,059	437,303,264,078
I. Nợ ngắn hạn	310		287,877,843,230	247,670,262,660
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	99,823,206,611	80,289,365,173
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	638,338,680	223,930,590
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	12,145,971,653	12,727,404,059
4. Phải trả người lao động	314		17,203,459,004	19,584,718,240
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5,859,543,849	3,108,733,891
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	1,956,766,916	1,051,989,538
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	42,911,996,798	31,874,507,970
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	84,969,297,362	77,066,607,842
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	2,648,342,710	2,648,342,710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	19,720,919,647	19,094,662,647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		285,583,660,829	189,633,001,418
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	50,000,000,000	25,000,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	235,583,660,829	164,633,001,418
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

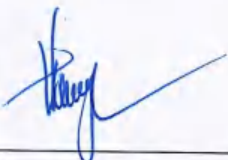
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,254,534,207,614	1,218,676,244,219
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1,254,534,207,614	1,218,676,244,219
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487,827,510,000	487,827,510,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487,827,510,000	487,827,510,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115,606,612,922	115,606,612,922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(14,920,919,678)	(14,920,919,678)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		206,901,070,809	179,564,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		200,375,658,881	188,364,837,620
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		79,145,290,620	188,364,837,620
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		121,230,368,261	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		258,744,274,680	262,234,132,546
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,827,995,711,673	1,655,979,508,297

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2020

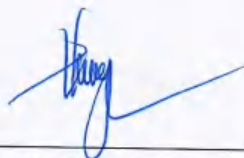
Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Hảo



Trần Thị Thanh Hảo



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ IV
(Dạng đầy đủ)

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU

Mã số Thuyết

Quý 4 năm nay

Quý 4 năm trước

Năm nay

Năm trước

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	301,631,357,753	290,038,770,299	1,112,401,321,096	1,054,283,124,381
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		301,631,357,753	290,038,770,299	1,112,401,321,096	1,054,283,124,381
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	245,730,300,910	221,430,487,034	893,115,675,247	834,979,388,181
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55,901,056,843	68,608,283,265	219,285,645,849	219,303,736,200
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,835,586,558	4,297,953,339	15,447,846,079	14,671,888,632
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4,950,033,559	2,536,019,404	17,355,024,253	10,422,309,018
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5,062,562,358	2,480,431,294	17,035,078,178	7,127,084,332
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1,849,921,474	1,052,630,565	2,908,466,372	2,189,059,147
9. Chi phí bán hàng	25					
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	19,381,981,496	18,659,654,371	67,209,162,972	61,303,048,262
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36,254,549,820	52,763,193,394	153,077,771,075	164,439,326,699
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1,084,110,793	1,031,622,215	3,601,203,071	23,761,994,749
13. Chi phí khác	32	VI.7	566,881,363	104,973,133	724,380,661	365,828,499
14. Lợi nhuận khác	40		517,229,430	926,649,082	2,876,822,410	23,396,166,250
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36,771,779,250	53,689,842,476	155,954,593,485	187,835,492,949
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	5,412,848,390	8,332,214,959	23,364,083,090	28,940,129,205
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31,358,930,860	45,357,627,517	132,590,510,395	158,895,363,744
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		31,590,671,126	37,684,978,012	121,230,368,261	135,158,763,266
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(231,740,266)	7,672,649,505	11,360,142,134	23,736,600,478
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	609	1,030	2,345	3,048
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	609	1,030	2,345	3,048

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng giám đốc



Trần Thị Thanh Hào



Trần Thị Thanh Hào



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ IV

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		155,954,593,485	187,835,492,949
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		116,852,289,217	94,186,620,292
- Các khoản dự phòng	03		358,973,532	491,089,212
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.9	(50,540,506)	(503,204,910)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12,239,239,506)	(31,716,037,347)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	17,035,078,178	7,127,084,332
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		277,911,154,400	257,421,044,528
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24,935,474,629)	(100,917,260,715)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18,218,535,872)	3,866,557,033
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		47,086,267,102	(58,992,229,580)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(44,604,618,957)	(72,116,898,092)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16,702,690,751)	(6,532,433,616)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(26,126,442,827)	(32,820,562,349)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(8,941,743,000)	(7,537,695,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		185,467,915,466	(17,629,477,791)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(196,691,122,292)	(314,897,800,369)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,438,747,248	186,375,062,895
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(38,481,363,014)	(13,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(294,000,000)	(1,200,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,803,100,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11,343,108,117	11,511,837,359
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(220,881,529,941)	(131,710,900,115)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	-	267,188,562,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	185,287,410,295	173,704,659,735
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(106,277,224,159)	(153,054,296,287)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(72,314,547,000)	(33,934,765,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>6,695,639,136</i>	<i>253,904,160,448</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(28,717,975,339)	104,563,782,542
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	272,125,233,675	167,334,700,107
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(80,368,236)	226,751,026
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	243,326,890,100	272,125,233,675

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Depot	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Tầng 3 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ	0%	36%	0%	20%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	50%	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	36,89%	40%	36,89%	40%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo có 339 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 293 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định đối với nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2,958,232,290	2,811,200,781
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	115,335,938,033	85,824,003,790
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	125,032,719,777	183,490,029,104
Cộng	243,326,890,100	272,125,233,675

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An ⁽ⁱ⁾	-	-	-	1,000,000,000	978,454,878	1,978,454,878
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	12,500,000,000	15,948,501,300	28,448,501,300	12,500,000,000	14,420,692,969	26,920,692,969
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1,494,000,000	3,932,681,142	5,426,681,142	1,200,000,000	1,573,568,223	2,773,568,223
Cộng	13,994,000,000	19,881,182,442	33,875,182,442	14,700,000,000	16,972,716,070	31,672,716,070

(i) Theo Biên bản họp số 0101-2019/BB-HĐQT ngày 02 tháng 1 năm 2019 của Hội đồng quản trị, trong năm Công ty TNHH Cảng Hải An chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An cho Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An với giá chuyển nhượng 1.803.100.000 VND. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty con không còn nắm giữ vốn góp tại Công ty này.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201244461 thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An 12.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo, Công ty con đã đầu tư đủ theo đăng ký, không thay đổi so với số đầu năm. Trong đó, vốn góp ban đầu là 5.000.000.000 VND, tăng vốn góp từ lợi nhuận được chia là 7.500.000.000 VND.

- (iii) Theo Nghị quyết số 0310-2018/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng quản trị, Công ty đầu tư thêm 29.400 cổ phần Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC) (số cổ phần được phân bổ cho cổ đông hiện hữu), trong kỳ Công ty đã mua 29.400 cổ phần HAFC với giá 294.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 149.400 cổ phần HAFC, chiếm 36,89% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong kỳ	Phân lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Chuyển nhượng vốn trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	1,978,454,878		(978,454,878)		(1,000,000,000)	-
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	26,920,692,969	-	3,402,808,331	(1,875,000,000)		28,448,501,300
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	2,773,568,223	294,000,000	3,696,645,909	(1,337,532,990)		5,426,681,142
Cộng	31,672,716,070	294,000,000	6,120,999,362	(3,212,532,990)	(1,000,000,000)	33,875,182,442

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	18,768,602,236	4,878,921,726
Sử dụng dịch vụ đại lý	6,764,666,984	7,795,804,368
Trả lại vốn góp BCC cho Công ty liên kết		10,000,000,000
Công ty liên kết chia lợi nhuận		2,500,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		
Doanh thu cung cấp cho Công ty liên kết	411,799,523	1,077,666,717
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	8,245,878,574	16,352,104,704
Công ty liên kết chia cổ tức		141,933,918
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		
Góp vốn vào Công ty liên kết	294,000,000	1,200,000,000
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	81,403,589,573	44,569,588,667
Phải trả hoa hồng đại lý cho công ty liên kết	4,042,473,827	944,446,208
Nhận góp vốn BCC	5,000,000,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.450.866.500		10.450.866.500	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	10.000.000.000		10.000.000.000	
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	450.000.000		450.000.000	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000		864.000	
Công ty Cổ phần MHC	2.500		2.500	

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	30,415,636,726	20,167,108,440
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	18,264,644,398	14,140,755,902
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	4,193,957,248	633,277,100
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	661,078,545	612,709,000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	7,290,556,535	4,667,601,438
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	5,400,000	112,765,000
Phải thu các khách hàng khác	87,481,589,061	102,105,144,802
OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD.,	2,531,538,730	
Sea Consortium Pte Ltd		22,658,437,552
Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam	12,509,020,279	12,016,989,965
Công ty Cổ phần Quốc tế Tico		3,719,043,402
Các khách hàng khác	72,441,030,052	63,710,673,883
Cộng	117,897,225,787	122,272,253,242

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	27,299,869,009	6,853,244,550
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Bắc		239,222,508
Trung tâm Quan trắc Môi trường		68,000,000
AE Consulting & Trading bvba		5,364,712,000
WARTSILA SERVICES SWITZERLAND LTD	3,483,732,014	
Công ty TNHH TM Tân Hồng	21,494,850,000	
MAN Energy Solutions	852,058,533	
Các nhà cung cấp khác	1,469,228,462	1,181,310,042
Cộng	27,299,869,009	6,853,244,550

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	738,129,845		114,763,908	
Các khoản chi hộ	738,129,845		114,763,908	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	123,072,234,475		88,979,127,393	
Lãi tiền gửi dự thu	1,510,556,174		403,746,555	
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (*)	92,763,292,500		70,000,000,000	
Ký cược, ký quỹ	24,114,986,820		396,872,836	
Tạm ứng	801,180,000		659,240,156	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hàng hải Việt Nam - tiền sửa chữa tàu Hải An Gate			14,369,234,234	
Tạm tính doanh thu	3,418,754,420			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	463,464,561		3,150,033,612	
Cộng	123,810,364,320		89,093,891,301	

5b. Phải thu dài hạn khác

Là tiền ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>						
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	1,968,464,319	903,567,963	-	1,968,464,319	1,262,541,495
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	65,089,486		3 năm	65,089,486	
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia - phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	99,744,126		3 năm	99,744,126	
Navigator Marine Corp	dưới 2 năm	1,803,630,707	903,567,963		1,803,630,707	1,262,541,495
Cộng		1,968,464,319	903,567,963		1,968,464,319	1,262,541,495

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	705,922,824	214,833,612
Trích lập dự phòng bổ sung	358,973,532	541,089,212
Hoàn nhập dự phòng		(50,000,000)
Số cuối kỳ	1,064,896,356	705,922,824

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	53,084,622,433		34,897,068,379	
Công cụ, dụng cụ	113,867,273		82,885,455	
Cộng	53,198,489,706		34,979,953,834	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	1,729,027,259	1,696,882,210
Chi phí dầu nhờn	2,200,822,080	1,249,503,273
Công cụ dụng cụ	103,758,407	136,907,832
Phí đường bộ	85,872,000	120,707,085
Chi phí thuê văn phòng	64,000,000	84,102,200
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	39,946,662	118,908,831
Cộng	4,223,426,408	3,407,011,431

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	-	706,449,273
Chi phí lên đà tàu Hải An Park	536,562,224	6,975,308,840
Chi phí lên đà tàu Hải An Time	7,458,341,659	-
Chi phí lên đà tàu Hải An Song	9,384,671,266	2,633,327,131
Chi phí lên đà tàu Hải An Bell	9,195,758,111	15,003,605,339
Công cụ dụng cụ	1,960,526,442	844,131,343
Tiền thuê đất	223,104,056,304	181,728,035,590
Bản quyền phần mềm	47,497,230	254,538,894
Chi phí trả trước dài hạn khác	246,187,154	
Cộng	251,933,600,390	208,145,396,410

(*) Tiền thuê đất của Công ty TNHH Pan Hải An tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ để đầu tư, xây dựng và kinh doanh kho bãi container.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	268,971,100,854	280,039,232,177	666,206,308,161	2,585,982,571	39,353,374,218	1,257,155,997,981
Mua trong năm	13,732,735,341	16,630,265,686	136,213,452,336	733,972,636	-	167,310,425,999
Thanh lý, nhượng bán	(3,064,627,046)	-	(2,296,117,153)	-	-	(5,360,744,199)
Số cuối kỳ	279,639,209,149	296,669,497,863	800,123,643,344	3,319,955,207	39,353,374,218	1,419,105,679,781
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	108,421,972,265	182,816,374,494	153,527,895,776	1,754,355,921	4,425,265,082	450,945,863,538
Khấu hao trong năm	16,169,457,895	29,784,850,732	72,351,001,836	304,354,933	2,158,048,164	120,767,713,560
Thanh lý, nhượng bán	(612,101,568)	-	(2,296,117,153)	-	-	(2,908,218,721)
Số cuối kỳ	123,979,328,592	212,601,225,226	223,582,780,459	2,058,710,854	6,583,313,246	568,805,358,377
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	160,549,128,589	97,222,857,683	512,678,412,385	831,626,650	34,928,109,136	806,210,134,443
Số cuối kỳ	155,659,880,557	84,068,272,637	576,540,862,885	1,261,244,353	32,770,060,972	850,300,321,404

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4,945,015,236	6,809,912,649	11,754,927,885
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	4,945,015,236	6,809,912,649	11,754,927,885
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2,108,931,861	3,454,995,233	5,563,927,094
Khấu hao trong năm	141,286,152	1,679,946,979	1,821,233,131
Số cuối kỳ	2,250,218,013	5,134,942,212	7,385,160,225
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2,836,083,375	3,354,917,416	6,191,000,791
Số cuối kỳ	2,694,797,223	1,674,970,437	4,369,767,660

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	147,252,482,556	(135,356,365,245)	(743,484,521)	11,152,632,790
Xây dựng cơ bản dở dang	2,740,688,182	25,468,316,482	(27,773,550,119)	-	435,454,545
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1,075,900,722	23,045,516,478	(24,007,069,338)	-	114,347,862
Cộng	3,816,588,904	195,766,315,516	(187,136,984,702)	(743,484,521)	11,702,435,197

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	15,340,925,199	7,168,799,593
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1,281,250,193	266,543,009
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	-	750,796,415
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	1,604,994,027	2,626,212,731
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	443,596,031	
Công ty Cổ phần Transimex	-	15,640,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	423,691,560	308,670,922
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	2,916,537,266	2,709,721,516
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	-	7,260,000
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức	99,660,000	483,955,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 (Cảng VICT)	8,571,196,122	
Phải trả các nhà cung cấp khác	84,482,281,412	73,120,565,580
Triton Container International Limited-Colle	2,385,083,104	2,137,259,433
Cockett Marine Oil (Asia) Pte Ltd	9,170,207,433	
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	3,560,386,784	
PT INDOFUELS LIMITED	10,870,726,364	
BMS United Bunkers (Asia) Limited	13,569,819,367	10,202,569,877
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hàng hải Việt Nam	-	10,352,777,607
Các nhà cung cấp khác	44,926,058,360	50,427,958,663
Cộng	99,823,206,611	80,289,365,173

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>638,338,680</i>	<i>223,930,590</i>
Các khách hàng khác	638,338,680	223,930,590
Cộng	638,338,680	223,930,590

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3,106,715,908	89,664,299,829	(89,764,495,693)	3,006,520,044
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1,313,956,412	(1,313,956,412)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	40,926,106	(40,926,106)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7,799,608,005	25,109,723,809	(26,126,442,827)	6,782,888,987
Thuế thu nhập cá nhân	1,821,080,146	6,399,087,296	(5,863,604,820)	2,356,562,622
Tiền thuế đất	-	1,777,640,083	(1,777,640,083)	-
Các loại thuế khác	-	14,000,000	(14,000,000)	-
Cộng	12,727,404,059	124,319,633,535	(124,901,065,941)	12,145,971,653

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài, cước cho thuê tàu	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4,893,705,102	8,189,302,519
Thuế TNDN truy thu các năm trước	519,040,744	142,912,440
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(118,348,642)	
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	426,720,710	499,670,072
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>5,721,117,914</u>	<u>8,831,885,031</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi có quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	5,859,543,849	3,108,733,891
Chi phí nhiên liệu tàu Hai An Song	-	1,802,532,141
Chi phí lãi vay phải trả	1,389,254,763	1,056,867,336
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	4,470,289,086	249,334,414
Cộng	<u>5,859,543,849</u>	<u>3,108,733,891</u>

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	7,206,056,747	4,539,098,795
Công ty Cổ phần Transimex - lãi hợp tác kinh doanh	100,276,373	100,276,373
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh	1,772,128,724	939,108,094
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh	2,238,924,406	1,771,939,021
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - lãi hợp tác kinh doanh	2,794,288,634	1,727,775,307
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An -lãi hợp tác kinh doanh	300,438,610	
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	35,705,940,051	27,335,409,175
Công ty Cổ phần MHC - lãi hợp tác kinh doanh	30,477,701	30,477,701
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs - lãi hợp tác kinh doanh	25,898,150	25,898,150
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	32,866,011,150	25,575,794,806
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	780,000,000	380,000,000
Kinh phí công đoàn	462,357,036	358,859,625
BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3,273,700	49,078,020
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	418,950,000	418,950,000
Thuế vãng lai phải nộp	-	317,832,237
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1,118,972,314	178,518,636
Cộng	<u>42,911,996,798</u>	<u>31,874,507,970</u>

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	50,000,000,000	25,000,000,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - phải trả về góp vốn BCC	15,000,000,000	5,000,000,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An- phải trả về góp vốn BCC	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - phải trả về góp vốn BCC	20,000,000,000	10,000,000,000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An - phải trả về góp vốn BCC	5,000,000,000	
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Cộng	<u>50,000,000,000</u>	<u>25,000,000,000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	7,861,226,074	-	5,049,365,476	-
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (i)	7,861,226,074		5,049,365,476	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)</i>	77,108,071,288	-	72,017,242,366	-
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	-		6,455,700,160	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	70,879,899,575		52,001,607,390	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	-		7,327,578,396	
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	6,228,171,713		6,232,356,420	
Cộng	84,969,297,362	-	77,066,607,842	-

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	5,049,365,476	72,017,242,366	77,066,607,842
Số tiền vay phát sinh trong năm	28,800,313,395	-	28,800,313,395
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	85,510,561,843	85,510,561,843
Số tiền vay đã trả trong năm	(25,988,452,797)	(80,288,771,362)	(106,277,224,159)
Tăng giảm cho chênh lệch tỷ giá	-	(130,961,559)	(130,961,559)
Số cuối kỳ	7,861,226,074	77,108,071,288	84,969,297,362

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân</i>	235,583,660,829	-	164,633,001,418	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nhân khác

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	227,056,137,009		149,869,183,740	
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (iii)	8,527,523,820		14,763,817,678	
Cộng	235,583,660,829	-	164,633,001,418	-

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA02/2014/VCB-HA ngày 11 tháng 04 năm 2014 để mua 01 cần trục chân đế Kirov Ardelt GMBH, thời hạn vay 54 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2014/VCB-HA ngày 20 tháng 01 năm 2014 để thanh toán tiền mua 2 xe nâng PPM Terex với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời gian trả nợ gốc 54 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HỆTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của Ngày Giải ngân Vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần.
 - Hợp đồng tín dụng số 02.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019, mục đích vay tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến Dự án đầu tư tàu container VNL Ruby (HAIAN MIND), thời hạn vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu HAIAN MIND của dự án.
 - Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư tàu container HaiAn Time số 2015/DA/HỆTD/VCB-HA ngày 22/9/2015 với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay đến ngày 22/09/2020. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HAIAN TIME của Dự án.
 - Hợp đồng vay để thực hiện Dự án đầu tư tàu container với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HAIAN Bell của Dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng vay 25-10.14/HĐTD/TPB.HTH ngày 16/10/2014 để thực hiện Dự án đầu tư tàu container với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền mua bán tàu HAIAN SONG.
- (iv) Vay ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty.
 - Hợp đồng vay để đầu tư 01 tàu biển Container với lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	77,108,071,288	72,017,242,366
Trên 1 năm đến 5 năm	235,583,660,829	164,633,001,418
Trên 5 năm		
Cộng	312,691,732,117	236,650,243,784

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	164,633,001,418	143,122,894,109
Số tiền vay phát sinh	156,487,096,900	143,927,623,500
Số tiền vay đã trả	-	(51,314,104,800)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(85,510,561,843)	(72,017,242,366)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	(25,875,646)	913,830,975
Số cuối kỳ	235,583,660,829	164,633,001,418

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2.648.342.710
Tăng do trích lập	
Số sử dụng	
Số cuối kỳ	2.648.342.710

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	14,463,218,213	5,467,000,000	(4,803,743,000)	15,126,475,213
Quỹ Hội đồng quản trị	4,631,444,434	4,101,000,000	(4,138,000,000)	4,594,444,434
Cộng	19,094,662,647	9,568,000,000	(8,941,743,000)	19,720,919,647

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	345,078,180,000	58,738,380,922	(14,920,919,678)	152,064,070,809	124,290,839,354	170,926,532,068	836,177,083,475
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	142,749,330,000	56,868,232,000	-	-	-	-	199,617,562,000
Cổ đông không kiểm soát góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	67,571,000,000	67,571,000,000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	135,158,763,266	23,736,600,478	158,895,363,744
Trích lập các quỹ	-	-	-	27,500,000,000	(37,150,000,000)	-	(9,650,000,000)
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(33,934,765,000)	-	(33,934,765,000)
Số dư cuối năm trước	487,827,510,000	115,606,612,922	(14,920,919,678)	179,564,070,809	188,364,837,620	262,234,132,546	1,218,676,244,219
Số dư đầu năm nay	487,827,510,000	115,606,612,922	(14,920,919,678)	179,564,070,809	188,364,837,620	262,234,132,546	1,218,676,244,219
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	121,230,368,261	11,360,142,134	132,590,510,395
Trích lập các quỹ	-	-	-	27,337,000,000	(36,905,000,000)	-	(9,568,000,000)
Trả cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(72,314,547,000)	(14,850,000,000)	(87,164,547,000)
Số dư cuối kỳ	487,827,510,000	115,606,612,922	(14,920,919,678)	206,901,070,809	200,375,658,881	258,744,274,680	1,254,534,207,614

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.782.751	48.782.751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	48.782.751	48.782.751
- Cổ phiếu phổ thông	48.782.751	48.782.751
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	573.053	573.053
- Cổ phiếu phổ thông	573.053	573.053
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.209.698	48.209.698
- Cổ phiếu phổ thông	48.209.698	48.209.698
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 0204-2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 như sau:

	VND
Chia cổ tức cho các cổ đông	: 72.314.547.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	: 27.337.000.000
Trích quỹ Ban điều hành	: 4.101.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 5.467.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1,828,435.48	1,073,229.92
Euro (EUR)	301.83	312.75

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	71,125,095,535	74,735,525,594
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	259,733,937,134	225,048,664,291
Doanh thu hoạt động khác	40,249,163,352	35,390,040,218
Loại trừ nội bộ	(69,476,838,268)	(45,135,459,804)
Cộng	301,631,357,753	290,038,770,299

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác cảng, khai thác tàu và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	916,189,774	557,008,186
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	9,039,074,467	4,569,668,972
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	261,922,734	258,490,912
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động cảng	44,295,305,537	49,860,038,183
Giá vốn của hoạt động tàu	239,864,650,844	187,586,789,552
Giá vốn hoạt động khác	31,047,182,797	29,119,119,103
Loại trừ nội bộ	(69,476,838,268)	(45,135,459,804)
Cộng	245,730,300,910	221,430,487,034
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2,282,103,005	2,922,160,044
Cổ tức, lợi nhuận được chia	44,000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	835,607,639	718,360,449
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(282,168,086)	657,432,846
Cộng	2,835,586,558	4,297,953,339
4. Chi phí tài chính		
	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	5,062,562,358	2,480,431,294
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	38,784,613	48,173,267
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(151,313,412)	7,414,843
Cộng	4,950,033,559	2,536,019,404
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10,418,567,977	9,316,331,491
Chi phí vật liệu quản lý	378,128,924	567,123,489
Chi phí đồ dùng văn phòng	191,718,611	185,823,381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,049,201,218	1,043,401,387
Thuế, phí và lệ phí	22,607,000	49,004,000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(1,557,876)	(3,154,699)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,134,406,926	2,502,249,586
Các chi phí khác	5,188,908,716	4,998,875,736
Cộng	19,381,981,496	18,659,654,371

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	806,929,066	(115,292,894)
Tiền bồi thường	5,138,366	6,170,119
Xử lý công nợ	266,020,672	
Thu nhập khác	6,022,689	1,140,744,990
Cộng	1,084,110,793	1,031,622,215

7. Chi phí khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	214,419,613	73,661,278
Xử lý công nợ	370,642,595	
Chi phí khác	(18,180,845)	31,311,855
Cộng	566,881,363	104,973,133

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	121,230,368,261	135,158,763,266
Trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT (i)	(8,184,000,000)	(9,568,000,000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	113,046,368,261	125,590,763,266
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	48,209,698	41,209,114
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,345	3,048

(i) Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng Ban điều hành năm 2019 được tạm tính bằng tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 11 tháng 4 năm 2019 (7%) trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ.

Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	48,209,698	33,934,765
Ảnh hưởng của 14.274.933 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 28 tháng 6 năm 2018		7,274,349
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	48,209,698	41,209,114

Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	6,966,073,643	6,918,618,545
Cộng	6,966,073,643	6,918,618,545

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Phúc Thịnh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công Ty Cổ Phần Cánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần kho vận miền Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Tổng công ty cổ phần đường sông Việt Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Một thành viên Gelex Logistics	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 (Cảng VICT)	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Trả cổ tức	8,351,250,000	3,045,000,000
Chi phí thuê văn phòng	3,160,146,289	2,865,096,669
HACT sử dụng dịch vụ tư vấn	2,683,290,000	2,074,260,000
Nhận vốn góp BCC		10,000,000,000
Trả lại vốn góp BCC		10,000,000,000
HACT chia lợi nhuận BCC	1,727,775,307	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Trả cổ tức	2,583,090,000	300,330,000
Nhận vốn góp BCC		5,000,000,000
Trả góp vốn BCC		5,000,000,000
HACT chia lợi nhuận	3,900,000,000	
HACT chia BCC	863,887,655	
HACT sử dụng dịch vụ đại lý	15,265,501,675	13,239,672,685
Nhận chia cổ tức		700,000,000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		3,357,445,350
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh		
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		3,469,076,909
Chi phí vận chuyển đường bộ	2,811,753,636	78,550,000
Công Ty Cổ Phần Cánh Đồng Xanh		
Trả cổ tức	3,000,000,000	
PAN sử dụng dịch vụ	2,198,803,401	825,946,500
Công ty cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh		
Trả cổ tức	1,500,000,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 (Cảng VICT)

Phải trả VICT về cung cấp dịch vụ cho khai thác tàu 39,101,233,293 46,663,408,465

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12, V.13, V.16 và V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: kho bãi, vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Loại trừ nội bộ	Cộng
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	245,518,184,155	940,087,812,046	149,150,570,604	(222,355,245,709)	1,112,401,321,096
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	245,518,184,155	940,087,812,046	149,150,570,604	(222,355,245,709)	1,112,401,321,096
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	78,922,929,112	102,695,828,879	37,666,887,858	-	219,285,645,849
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(67,209,162,972)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					152,076,482,877
Doanh thu hoạt động tài chính					15,447,846,079
Chi phí tài chính					(17,355,024,253)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					2,908,466,372
Thu nhập khác					3,601,203,071
Chi phí khác					(724,380,661)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(23,364,083,090)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					132,590,510,395
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	12,680,105,846	158,278,047,884	75,485,527,886	-	246,443,681,616
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	42,823,119,031	91,101,183,927	16,543,843,107		150,468,146,065
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	327,405,780,324	824,632,228,560	85,969,716,463	(183,724,600,966)	1,054,283,124,381
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	327,405,780,324	824,632,228,560	85,969,716,463	(183,724,600,966)	1,054,283,124,381
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	95,858,439,492	105,807,784,155	17,637,512,553		219,303,736,200
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(61,303,048,262)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					158,000,687,938
Doanh thu hoạt động tài chính					14,671,888,632
Chi phí tài chính					(10,422,309,018)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết					2,189,059,147
Thu nhập khác					23,761,994,749
Chi phí khác					(365,828,499)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(28,940,129,205)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					158,895,363,744

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>5,366,405,455</i>	<i>238,286,417,522</i>	<i>82,324,682,217</i>	<i>325,977,505,194</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>47,971,024,535</i>	<i>57,062,554,648</i>	<i>13,747,408,160</i>	<i>118,780,987,343</i>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>				

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>546,483,777,054</u>	<u>805,120,642,645</u>	<u>419,679,473,047</u>	<u>1,771,283,892,746</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>56,711,818,927</u>
Tổng tài sản				<u><u>1,827,995,711,673</u></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>45,408,368,809</u>	<u>299,917,844,956</u>	<u>191,208,727,148</u>	<u>536,534,940,913</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>36,926,563,146</u>
Tổng nợ phải trả				<u><u>573,461,504,059</u></u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>504,585,763,378</u>	<u>671,054,654,637</u>	<u>200,696,339,783</u>	<u>1,376,336,757,798</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>279,642,750,499</u>
Tổng tài sản				<u><u>1,655,979,508,297</u></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>41,645,320,294</u>	<u>302,096,156,607</u>	<u>41,462,024,923</u>	<u>385,203,501,824</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>52,099,762,254</u>
Tổng nợ phải trả				<u><u>437,303,264,078</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

